

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2022/HS-PT

Ngày: 22/3/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Cường

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 586/2021/TLPT-HS ngày 29 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Thị H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2021/HS-ST ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1196/2022/QĐXXPT-HS ngày 04/3/2022.

1. Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị H, sinh ngày 13/10/1997 tại Hưng Yên; nơi cư trú: Tổ dân phố 6, thị trấn I, huyện I1, tỉnh Gia Lai; chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 5, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Buôn bán; dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 6/12; con ông Nguyễn Văn C và con bà Lê Thị D; gia đình có 04 chị em, bị cáo là con lớn nhất; có chồng tên là Nguyễn Kiều H1 và có 02 con, lớn sinh năm 2014 và con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Đại H2, Văn phòng Luật sư L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của bị cáo: Luật sư Ngô Quốc C1, Văn phòng Luật sư Q, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước, vắng mặt.

2. Bị hại có kháng cáo:

- Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn TT, thị trấn I, huyện I1, tỉnh Gia Lai, có mặt.

- Chị Lê Thị T1, sinh năm 1960; địa chỉ: TDP 1, thị trấn I, huyện I1, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

- Chị Phạm Thị Th1, sinh năm 1968; địa chỉ: TDP 6, thị trấn I, huyện I1, tỉnh Gia Lai, có mặt.

- Anh Vũ Đăng K1, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn TT, thị trấn I, huyện I1, tỉnh Gia Lai, có mặt.

- Chị Nguyễn Thị Xuân L1, sinh năm 1987; địa chỉ: TDP 6, thị trấn I, huyện I1, tỉnh Gia Lai, có mặt.

- Chị Phạm Thị N1, sinh năm 1978; địa chỉ: TDP 1, thị trấn I, huyện I1, tỉnh Gia Lai, có mặt.

- Bà Lê Thị B2, sinh năm 1957; địa chỉ: TDP 2, thị trấn I, huyện I1, tỉnh Gia Lai, có đơn xét xử vắng mặt.

- Chị Ngô Thị T2, sinh năm 1982; địa chỉ: TDP 1, thị trấn I, huyện I1, tỉnh Gia Lai, có mặt.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại Vũ Đăng K1, Ngô Thị T2, Lê Thị B2, Phạm Thị N1, Nguyễn Thị Xuân L1: Luật sư Chu Đ2, Văn phòng Luật sư C, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Kiều H1, sinh năm 1984; địa chỉ: TDP 5, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Anh Nguyễn Viết Tr, sinh năm 1999; địa chỉ: 126/15 đường N3, phường L3, huyện N4, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị H làm nghề buôn bán thịt heo tại chợ thị trấn I, huyện I1, tỉnh Gia Lai. Đến năm 2016, H tự làm thêm dịch vụ cho người khác vay tiền để đáo hạn nợ vay Ngân hàng. Để có tiền cho người khác vay, H đã vay tiền của nhiều người khác tại huyện I1, tỉnh Gia Lai sau đó cho người có nhu cầu đáo hạn nợ vay Ngân hàng vay lại để hưởng tiền lãi suất chênh lệch. H tự làm biển quảng cáo làm dịch vụ đáo hạn Ngân hàng treo trước cổng nhà mình. Theo Nguyễn Thị H khai: Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2016 đến tháng 5/2018, H đã vay tiền của khoảng hơn 14 cá nhân trên địa bàn huyện I1, tỉnh Gia Lai với tổng số tiền khoảng hơn 10 tỷ đồng với mục đích sử dụng vào việc đáo hạn Ngân hàng. Sau khi vay được số tiền trên, ngoài việc sử dụng nguồn vốn vay cho người khác vay lại để đáo nợ Ngân hàng, H còn sử dụng vào việc đầu tư mua heo về mổ bán thịt và còn sử dụng vào mục đích cá nhân khác. Do làm ăn buôn bán thua lỗ và phải trả lãi suất cho những người H vay nên dẫn đến thâm hụt nguồn vốn, mất khả năng thanh toán nợ. Vào khoảng đầu tháng 6 năm 2018, H không còn làm dịch vụ đáo hạn Ngân hàng nữa, nhưng để có tiền trả

nợ tiền gốc và lãi đã vay và che giấu việc làm ăn buôn bán thua lỗ, mất khả năng trả nợ của mình nên H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của người sau để trả tiền gốc, tiền lãi vay của người trước. Để tạo lòng tin vay được tiền, H đã dùng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin không có thật là vay tiền để cho người khác vay đáo hạn Ngân hàng, H thỏa thuận với người cho vay về việc sẽ trả lãi suất cao, thưởng tiền hoa hồng, thưởng các chuyến du lịch, thưởng xe máy... Đồng thời, tạo dựng sự việc trong các ngày tết, lễ H tự đi đặt mua các lẵng hoa và tự ghi tên các Ngân hàng tặng mang về để tại nhà mình làm cho người bị hại tin tưởng việc H vẫn còn đang làm dịch vụ đáo hạn Ngân hàng là thật nên đã cho H vay và bị H chiếm đoạt để trả nợ cá nhân. Bằng thủ đoạn gian dối nêu trên, trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2018 đến tháng 8 năm 2018, Nguyễn Thị H đã chiếm đoạt tiền của 12 cá nhân với tổng số tiền 9.205.000.000 đồng như sau:

1. Chiếm đoạt của Nguyễn Thị Thu T3 (sinh năm 1985, trú tại: TDP 5, thị trấn I, huyện I1- tỉnh Gia Lai). Thông qua mối quan hệ là bà con họ hàng, trong thời gian từ ngày 20/6/2018 đến ngày 07/8/2018 Nguyễn Thị H đã 03 lần chiếm đoạt tiền của Nguyễn Thị Thu T3 như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 20/6/2018, thông qua bà Đặng Thị N5, H đến nhà chị T3 gặp và đặt vấn đề hỏi vay tiền của chị T3 để đáo hạn Ngân hàng cho người khác. Chị T2 tin là thật nên đưa cho H 100.000.000 đồng.

Lần Thứ hai: Ngày 26/6/2018, H đến gặp chị T3 nói cần thêm tiền để đáo hạn Ngân hàng cho người khác. Chị T2 tin là thật nên đưa cho H 35.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Ngày 07/8/2018, H đến nhà chị T3 hỏi vay thêm tiền để đáo hạn Ngân hàng cho người khác. Chị T3 đã đưa cho H 70.000.000 đồng.

Tổng cộng H đã nhận của chị T2 205.000.000 đồng. Số tiền này, H đã trả lại cho chị T2 8.500.000 đồng, còn lại H dùng để trả nợ cho người khác. Đến hạn trả nợ không thấy H trả tiền nên chị T2 nhiều lần điện thoại yêu cầu H trả lại số tiền đã nhận, nhưng H không trả. Ngày 27/8/2018, chị Nguyễn Thị Thu T3 đã viết đơn tố giác hành vi của H.

2. Chiếm đoạt của chị Nguyễn Lê Kim T4 (sinh năm 1986, trú tại: Thôn 2, xã I, huyện C2, tỉnh Gia Lai). Lợi dụng vào mối quan hệ quen biết với chị Nguyễn Lê Kim T4 trong việc vay tiền để đáo hạn Ngân hàng từ thời gian trước. Ngày 06/8/2018, H gọi điện thoại hỏi chị T4 vay 200.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng cho người khác và hứa khi Ngân hàng giải ngân sẽ trả. Chị T4 tin tưởng lời nói của H là thật nên đã nhờ bạn chị T4 là chị Cáp Thị Mỹ H3 chuyển số tiền 200.000.000 đồng vào tài khoản của H. Sau khi nhận được tiền, H khai sử dụng 12.000.000 đồng trả lãi cho chị T4, số tiền còn lại H sử dụng trả nợ cho người khác. Việc H khai trả tiền lãi cho chị T4 nhưng không có tài liệu gì chứng minh và chị T4 không thừa nhận nên không có căn cứ xác định H đã trả tiền lãi cho chị T4. Đến hạn trả nợ không thấy H trả tiền nên chị T4 nhiều lần điện thoại yêu cầu H trả lại số tiền đã

nhận, nhưng H không trả. Ngày 06/9/2018, chị Nguyễn Lê Kim T4 đã viết đơn tố giác hành vi của H.

3. Chiếm đoạt của chị Ngô Thị T2 (sinh năm 1982, trú tại: TDP 1, thị trấn I, huyện I1, tỉnh Gia Lai). Thông qua mối quan hệ quen biết do cùng bán thịt heo ở chợ I, huyện I1 và mối quan hệ trong việc vay tiền để đáo hạn Ngân hàng từ trước. Ngày 05/7/2018 H nói với chị T3 là cần 500.000.000 đồng để đáo nợ Ngân hàng cho người khác. Vì đã cho H vay nhiều lần, H trả lãi đủ, đều hàng tháng và thấy nhà H treo biển đáo hạn Ngân hàng, chị T2 tin là thật nên đã đưa cho H 500.000.000 đồng. H nhận tiền và viết Giấy vay tiền đưa chị T2 giữ. Sau khi nhận tiền, H đã dùng trả cho chị T2 24.000.000 đồng tiền lãi và 50.000.000 đồng tiền gốc, số tiền còn lại H dùng trả nợ cho người khác. Đến hạn trả nợ không thấy H trả tiền nên chị T2 nhiều lần điện thoại yêu cầu H trả lại số tiền đã nhận, nhưng H không trả. Ngày 04/9/2018, chị T2 đã viết đơn tố giác hành vi của H.

4. Chiếm đoạt của chị Phạm Thị N1 (sinh năm 1978, trú tại: TDP 1, thị trấn I, huyện I1, tỉnh Gia Lai). Thông qua mối quan hệ quen biết, Nguyễn Thị H đã có 02 lần gian dối vay mượn và chiếm đoạt của chị Phạm Thị N1, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào ngày 21/8/2018, H gặp chị N1 trên đường Hùng Vương thuộc thị trấn I, huyện I1, tỉnh Gia Lai. H hỏi chị N1 vay 200.000.000 đồng để H đáo hạn Ngân hàng cho người khác. Chị N1 tin tưởng lời nói của H là thật. Chị N1 nói nhà không có tiền để chị N1 đi hỏi vay giúp H, khi nào có tiền thì chị N1 gọi điện thoại đến lấy, H đồng ý. Ngày 22/8/2018, chị N1 đi vay tiền của người khác được 200.000.000 đồng mang về nhà rồi gọi điện cho H đến nhà mình đưa cho H vay số tiền nêu trên. H nhận tiền và viết Giấy vay tiền đưa chị N1 giữ. Đến ngày 23/8/2018, H tiếp tục đến gặp chị N1 hỏi vay 300.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng cho người khác. Do tin tưởng là thật nên chị N1 đi vay của người khác 300.000.000 đồng về đưa cho H vay. H nhận tiền và ghi thêm nội dung mượn 300 triệu đồng vào Giấy mượn tiền ngày 22/8/2018 đưa chị N1 giữ. Tổng cộng H nhận của chị N1 500.000.000 đồng, sau khi nhận được tiền H sử dụng trả nợ cho người khác. Ngày 27/8/2018, Nguyễn Thị H đến cơ quan Công an trình báo không còn khả năng trả nợ nên chị Phạm Thị N1 đã viết đơn tố giác hành vi của Nguyễn Thị H và lập Hợp đồng cho cá nhân vay tiền thể hiện ngày 22 và 23/8/2018 cho vợ chồng H mượn 500.000.000 đồng và yêu cầu vợ chồng H ký vào hợp đồng.

5. Chiếm đoạt của chị Đỗ Thị U (sinh năm 1989, trú tại: TDP 7, thị trấn I, huyện I1, tỉnh Gia Lai). Thông qua mối quan hệ là bà con họ hàng, từ ngày 23/7/2018 đến ngày 26/7/2018 Nguyễn Thị H đã có 03 lần chiếm đoạt tiền của của chị Đỗ Thị U như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 23/7/2018, thông qua bà Đặng Thị N5 (bà N5 là mẹ ruột của chị U), H đến nhà chị U và hỏi chị U vay số tiền 450.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng cho người khác. Thấy nhà H có biển đáo hạn Ngân hàng, biết H làm dịch

vụ đáo hạn từ lâu, thấy nhà H có nhiều logo, lẵng hoa của nhiều Ngân hàng tặng nên tin tưởng H nói là thật, chị U đã đưa cho H 450.000.000 đồng. H nhận tiền và viết Giấy mượn tiền đưa chị U giữ.

Lần thứ hai: Ngày 24/7/2018, H đến gặp chị U tiếp tục hỏi vay số tiền 400.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng cho người khác. Chị U tin là thật nên đã đưa cho H số tiền 400.000.000 đồng. H nhận tiền và viết Giấy mượn tiền giao chị U giữ.

Lần thứ ba: Ngày 26/7/2018, Nguyễn Thị H đến gặp chị U và hỏi vay số tiền 1.100.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng cho người khác. Do tin tưởng là thật nên Út đã tiếp tục đưa cho H tiền. Vì chỉ có 900.000.000 đồng nên chị U giao cho H số tiền 900.000.000 đồng. H nhận tiền và viết Giấy mượn tiền giao chị U giữ.

Tổng cộng H nhận của chị U 1.750.000.000 đồng. H đã trả cho chị U 300.000.000 đồng tiền gốc và 52.000.000 đồng tiền lãi, số còn lại H sử dụng trả nợ cho người khác. Đến hạn trả nợ không thấy H trả tiền nên chị U nhiều lần điện thoại yêu cầu H trả lại số tiền đã vay nhưng H không trả. Ngày 28/8/2018, chị Đỗ Thị U đã viết đơn tố giác hành vi của H.

6. Chiếm đoạt của chị Phạm Thị Th1 (sinh năm 1968, trú tại: TDP 6, thị trấn I, huyện I1, tỉnh Gia Lai). Thông qua mối quan hệ quen biết vì là hàng xóm láng giềng, từ ngày 06/8/2018 đến ngày 08/8/2018 Nguyễn Thị H đã 02 lần chiếm đoạt tiền của chị Phạm Thị Th1, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào ngày 25/6/2018 (Âm lịch) tức ngày 06/8/2018 (Dương lịch), H đến nhà chị Th1 hỏi vay số tiền 100.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng cho người khác. Thấy nhà H có để biển dịch vụ đáo hạn Ngân hàng, nghe nhiều người nói H làm đáo hạn Ngân hàng từ lâu và uy tín, chị Th1 tin tưởng lời nói của H là thật nên đã đưa cho H số tiền là 100.000.000 đồng. H viết Giấy vay tiền giao chị Th1 giữ.

Lần thứ hai: Vào ngày 25/6/2018 (Âm lịch) tức ngày 08/8/2018 Dương lịch, H đến gặp chị Th1 và hỏi vay 400.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng cho người khác. Chị Th1 tin là thật nên đã nói với H hiện tại nhà không có tiền, để chị đi vay người khác rồi cho H vay, khi nào vay được tiền thì gọi cho H. Sau khi vay được 200.000.000 đồng, chị Th1 gọi điện cho H nhưng H không có ở nhà nên H nói để chồng là Nguyễn Kiều H1 đến lấy tiền. Sau đó H1 đến nhà chị Th1 nhận 200.000.000 đồng rồi viết Giấy biên nhận vào mặt sau Giấy vay tiền ngày 06/8/2018 nội dung vay số tiền 200.000.000 đồng và đem tiền về đưa cho H.

Tổng cộng H đã nhận 300.000.000 đồng của chị Th1, số tiền này H đã đưa lại cho chị Th1 10.000.000 đồng, số tiền còn lại H sử dụng trả nợ cho người khác. Đến hạn trả nợ không thấy H trả tiền nên chị Th1 nhiều lần điện thoại yêu cầu H trả lại số tiền đã vay nhưng H không trả. Ngày 28/8/2018, chị Th1 đã viết đơn tố giác hành vi của H.

7. Chiếm đoạt của chị Lê Thị T1 (sinh năm 1963, trú tại: TDP 1, thị trấn I, huyện I1, tỉnh Gia Lai). Thông qua mối quan hệ quen biết từ trước về việc vay tiền để đáo hạn Ngân hàng. Ngày 18/8/2018, H đến nhà chị T1 hỏi vay 200.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng cho người khác. Do trước đây đã cho H vay tiền để H đáo hạn Ngân hàng, H đều trả nợ gốc và lãi đầy đủ đúng hạn, thấy nhà H có treo biển đáo hạn Ngân hàng nên chị T1 tin tưởng H nói là thật đã đưa cho H số tiền 200.000.000 đồng. H nhận tiền và viết Giấy biên nhận vay tiền giao chị T1 giữ. Sau khi nhận được tiền, H sử dụng trả nợ cho người khác. Đến ngày 27/8/2018 H đến Công huyện trình báo không còn khả năng trả nợ, nên ngày 28/8/2018 chị T1 đã viết đơn tố giác hành vi của H.

8. Chiếm đoạt của bà Đặng Thị N5 (sinh năm 1951, trú tại: Thôn TT, thị trấn I, huyện I1, tỉnh Gia Lai). Khoảng cuối tháng 6/2018, Nguyễn Thị H gặp bà N5 hỏi vay 400.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng cho người khác. Tin H nói là thật nên bà N5 đã đưa cho H 400.000.000 đồng. Hai bên không viết Giấy vay tiền. Ngày 20/7/2018, H đến nhà bà N5 hỏi vay số tiền 500.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng cho người khác và nói bồi dưỡng cho bà N5 tiền hoa hồng. Bà N5 tin tưởng là thật nên đã cho H vay số tiền 500.000.000 đồng và bà N5 đã viết chung thành một Giấy vay tiền là 900.000.000 đồng. Tổng cộng H nhận của bà N5 900.000.000 đồng. Số tiền này H đã trả cho bà N5 400.000.000 đồng tiền gốc và đưa 40.000.000 đồng tiền hoa hồng, số còn lại H sử dụng trả nợ cho người khác. Đến hạn trả nợ không thấy H trả tiền nên bà N5 nhiều lần điện thoại yêu cầu H trả lại số tiền đã vay nhưng H không trả, nên ngày 28/8/2018 bà N5 đã viết đơn tố giác hành vi của H.

9. Chiếm đoạt của bà Lê Thị B2 (sinh năm 1957, trú tại: TDP 2, thị trấn I, huyện I1, tỉnh Gia Lai). Thông qua mối quan hệ quen biết vì cùng bán thịt heo tại chợ I, huyện I1, tỉnh Gia Lai. Ngày 05/8/2018, Nguyễn Thị H đến nhà gặp và nói với bà B2 là H có nhận một hồ sơ Hợp đồng đáo hạn Ngân hàng với số tiền cần đáo hạn là 1.300.000.000 đồng và hỏi vay số tiền trên để đáo hạn Ngân hàng cho người khác. Do biết H làm dịch vụ đáo hạn Ngân hàng từ trước, tin tưởng lời nói của H là thật nên bà B2 đồng ý đưa cho H 950.000.000 đồng, H viết Giấy mượn tiền hạn 01 tháng sau sẽ trả lãi và gốc. Sau khi nhận được tiền, H không sử dụng đáo hạn Ngân hàng cho ai mà sử dụng trả nợ cho người khác. Ngày 26/8/2018, Nguyễn Thị H đã cầm trả nợ cho bà B2 01 chiếc xe máy, 01 tivi và 5.000.000 đồng, tổng trị giá là 40.000.000 đồng. Ngày 27/8/2018 H lên Công an thông báo không còn khả năng trả nợ nên bà B2 đã viết đơn tố giác hành vi của H.

10. Chiếm đoạt của anh Vũ Đăng K1 (sinh năm 1978, trú tại: Thôn TT, thị trấn I, huyện I1, tỉnh Gia Lai). Thông qua mối quan hệ quen biết vì cùng buôn bán tại chợ I, thị trấn I, huyện IaGrai. Trong thời gian từ ngày 20/8/2018 đến ngày 22/8/2018 Nguyễn Thị H đã có 02 lần chiếm đoạt tiền của anh Vũ Đăng K1, cụ thể:

Vào ngày 19/8/2018, Nguyễn Thị H đến nhà anh K1 hỏi mượn tiền để đáo hạn

Ngân hàng cho người khác, H nói cần 04 tỷ đồng. Anh K1 nói hiện tại anh không có số tiền nhiều như vậy. Đến ngày 20/8/2018, H tiếp tục đến nhà gặp anh K1 để hỏi vay số tiền để đáo hạn Ngân hàng cho người khác, H hẹn vay 04 ngày sẽ trả gốc và lãi. H còn nói nếu cho H vay số tiền trên thì H sẽ trả thêm 40.000.000 đồng tiền “Hoa hồng” cho anh K1. Do biết H làm dịch vụ đáo hạn Ngân hàng từ lâu, anh K1 tìm hiểu thì được biết H làm ăn uy tín, vay tiền đáo hạn trả lãi đầy đủ đúng hẹn nên anh K1 tin tưởng lời nói của H là thật và đồng ý đưa cho H 700.000.000 đồng. Đến ngày 21/8/2018, H tiếp tục hỏi vay anh K1 02 lần nữa để đáo hạn Ngân hàng cho người khác. Anh K1 đã đưa cho H tiền và yêu cầu viết chung tất cả các lần vay vào một Giấy mượn tiền với số tiền là 2,5 tỷ đồng.

Ngày 22/8/2018, H tiếp tục gặp anh K1 hỏi vay 300.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng cho người khác. Anh K1 tin là thật nên tiếp tục đưa cho H 300.000.000 đồng. H nhận tiền viết Giấy vay đưa anh K1 giữ và hẹn 03 ngày sau trả gốc và lãi.

Tổng số tiền H lừa dối nhận của anh K1 2.800.000.000 đồng. Trong số tiền này, H đã đưa cho anh K1 40.000.000 đồng tiền “Hoa hồng”, số tiền còn lại H đã dùng để trả nợ cho người khác. Đến ngày 26/8/2018 anh K1 đến nhà H đòi tiền, H đưa cho anh K1 9.000.000 đồng. Sau khi H báo không còn khả năng trả nợ, anh K1 đã viết đơn tố giác hành vi của H.

11. Chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị H2 (sinh năm 1956, trú tại: Thôn TT, thị trấn I, huyện I1, tỉnh Gia Lai). Thông qua mối quan hệ quen biết do cùng bán thịt heo tại chợ I, huyện I1 và mối quan hệ vay tiền để đáo hạn Ngân hàng thời gian trước. Vào khoảng ngày 08/7/2018, H hỏi chị H2 vay 400.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng cho người khác, đáo hạn xong lấy tiền từ Ngân hàng ra sẽ trả và hứa cho chị H2 40.000.000 đồng tiền “Hoa hồng”, lãi suất tự thỏa thuận. Do tin tưởng lời nói của H là thật nên ngày 18/7/2018, chị H2 đi mượn người quen được 400.000.000 đồng và điện thoại cho H đến nhà lấy tiền. H nói với chị H2 là đang bận đáo hạn Ngân hàng cho người khác ở Pleiku, H nói chị H2 qua nhà H đưa tiền cho H1 (chồng H). Chị H2 đã mang 400.000.000 đồng đến nhà H và đưa cho H1, H1 viết Giấy nhận tiền đưa cho chị H2 giữ và H1 đưa lại số tiền cho H. Sau khi nhận được tiền, H đã sử dụng trả cho chị H2 12.000.000 đồng tiền lãi và 40.000.000 đồng tiền “Hoa hồng”, số tiền còn lại H dùng trả nợ cho người khác. Đến tháng 4/2019, H trả cho chị H2 thêm 1.000.000 đồng. Chị H2 nhiều lần điện thoại yêu cầu H trả lại số tiền đã nhận, nhưng H không trả nên ngày 06/3/2019 chị H2 đã viết đơn tố giác hành vi của H.

12. Chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Xuân L1 (sinh năm 1987, trú tại: Thôn TT, thị trấn I, huyện I1, tỉnh Gia Lai). Thông qua mối quan hệ quen biết vì là hàng xóm, ngày 30/7/2018 H hỏi vay chị L1 500.000.000 đồng đáo hạn Ngân hàng. Do tin tưởng H, L1 đồng ý. Chị L1 đến nhà Trần Thị Kim C2 mượn 500.000.000 đồng về đưa cho H. H viết Giấy mượn tiền đưa chị L1 giữ. Sau khi kiểm tra thấy H ghi sai

số Chứng minh nhân dân, nên chị L1 sử dụng mẫu Giấy nhận nợ của mình và viết lại nội dung vợ chồng H mượn 500.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng và đưa H, H1 ký lại. Sau khi nhận tiền, H đưa chị L1 65.000.000 đồng và nói là Ngân hàng thưởng xe SH, sau đó chuyển vào tài khoản chị L1 15.000.000 đồng do Ngân hàng thưởng 01 chuyến du lịch Đà Nẵng. Số tiền còn lại H dùng trả nợ cho người khác. Đến ngày 18/9/2018, chị L1 đã viết đơn tố cáo Nguyễn Thị H.

Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2021/HS-ST ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Về tội danh, hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Về phân trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Các điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải trả lại số tiền cho các bị hại như sau:

Trả cho bị hại Nguyễn Thị Thu T3 196.500.000 đồng.

Trả cho bị hại Nguyễn Lê Kim T4 200.000.000 đồng.

Trả cho bị hại Ngô Thị T2 426.000.000 đồng.

Trả cho bị hại Đỗ Thị U 1.398.000.000 đồng.

Trả cho bị hại Đặng Thị N5 460.000.000 đồng.

Trả cho bị hại Lê Thị B2 910.000.000 đồng.

Tổng cộng: 3.590.500.000 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Kiều H1 liên đới trả lại số tiền cho các bị hại như sau:

Trả cho bị hại Phạm Thị N1 500.000.000 đồng.

Trả cho bị hại Phạm Thị Th1 290.000.000 đồng.

Trả cho bị hại Lê Thị T1 170.000.000 đồng.

Trả cho bị hại Vũ Đăng K1 2.751.000.000 đồng.

Trả cho bị hại Nguyễn Thị H2 363.000.000 đồng.

Trả cho bị hại Nguyễn Thị Xuân L1 420.000.000 đồng.

Tổng cộng: 4.494.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/12/2021, bị cáo Nguyễn Thị H kháng cáo kêu oan.

Các ngày 06 và 07 tháng 12 năm 2021, các bị hại Nguyễn Thị H2, Lê Thị T1, Phạm Thị Th1, Vũ Đăng K1, Nguyễn Thị Xuân L1, Phạm Thị N1, Lê Thị B2, Ngô Thị T2 kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo H và xem xét trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Kiều H1 và Nguyễn Viết Tr.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Thị H trình bày thay đổi nội dung kháng cáo: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và chỉ xin giảm nhẹ hình phạt, do đó đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị xét xử vắng mặt luật sư Ngô Quốc Chiến.

Các bị hại Nguyễn Thị H2, Lê Thị T1, Phạm Thị Th1, Vũ Đăng K1, Nguyễn Thị Xuân L1, Phạm Thị N1, Lê Thị B2, Ngô Thị T2 trình bày giữ nguyên kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Kháng cáo, nội dung thay đổi kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H và kháng cáo của các bị hại Nguyễn Thị H2, Lê Thị T1, Phạm Thị Th1, Vũ Đăng K1, Nguyễn Thị Xuân L1, Phạm Thị N1, Lê Thị B2, Ngô Thị T2 là trong thời hạn luật định.

Về nội dung: Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị H nhận tội. Mặc dù bị cáo nhận tội và được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Tuy nhiên, đối chiếu hành vi phạm tội, hậu quả bị cáo gây ra cho các bị hại và việc bị cáo không khắc phục bồi thường cho các bị hại sau khi xét xử sơ thẩm. Do đó, thấy rằng mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là thỏa đáng. Đối với kháng cáo của các bị hại, quá trình điều tra cũng đã chứng minh được anh Nguyễn Kiều H1 là chồng bị cáo có ký một số Giấy vay tiền nhưng thực tế anh H1 không biết bị cáo H gian dối chiếm đoạt tiền này của bị hại; anh Nguyễn Viết Tr không biết bị cáo H dùng thẻ của mình vào hành vi thực hiện tội phạm. Hơn nữa, Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ 02 lần để điều tra hành vi của H1, Tr nhưng không chứng minh được hành vi vi phạm pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và của các bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo tranh tụng: Thống nhất về tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo H. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo H thay đổi nội dung kháng cáo kêu oan là nhận tội nên được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện nay rất khó khăn, con nhỏ, chồng không có việc làm và thu nhập. Do đó mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo thống nhất nội dung luật sư tranh tụng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại tranh tụng: Hiện nay các bị hại kinh tế rất khó khăn cùng cực, có trường hợp phải bán nhà để trả nợ cho người khác. Trong khi bị cáo chiếm đoạt tiền của các bị hại mà không biết hiện nay tiền đi đâu, chi tiêu gì mà không khắc phục cho các bị hại dù chỉ một phần. Đối với hành vi của Nguyễn Kiều H1 và Nguyễn Viết Tr mặc dù đã trả hồ sơ 02 lần để điều tra làm rõ, nhưng không xác định được hành vi vi phạm pháp luật. Bản thân tôi thấy

rằng hai anh Nguyễn Kiều H1 và Nguyễn Viết Tr biết hành vi phạm tội của bị cáo nên phải được điều tra xử lý. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị hại tăng hình phạt đối với bị cáo. Các bị hại thống nhất nội dung tranh tụng của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp Chu Đ2.

Bị hại Nguyễn Thị H2, Phạm Thị Th1 tranh tụng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Kiều H1 trình bày: Tôi thừa nhận có ký một số Giấy vay tiền, nhưng tôi hoàn toàn không biết việc vợ tôi là Nguyễn Thị H có hành vi gian dối để chiếm đoạt tiền của các bị hại. Mong Hội đồng xét xử xem xét.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Ngày 06/12/2021, bị cáo Nguyễn Thị H kháng cáo. Các ngày 06 và 07 tháng 12 năm 2021, các bị hại Nguyễn Thị H2, Lê Thị T1, Phạm Thị Th1, Vũ Đăng K1, Nguyễn Thị Xuân L1, Phạm Thị N1, Lê Thị B2, Ngô Thị T2 kháng cáo. Như vậy, kháng cáo của bị cáo và bị hại là trong thời hạn luật định. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt luật sư Ngô Quốc C. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bị cáo, do đó Hội đồng xét xử vắng mặt luật sư Ngô Quốc Chiến. Bị hại Lê Thị T1 vắng mặt, Lê Thị B2 có đơn xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử vắng mặt bị hại Lê Thị T1, Lê Thị B2.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

[2.1] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm bị cáo Nguyễn Thị H không nhận tội. Tuy nhiên, tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay bị cáo Nguyễn Thị H nhận tội được thể hiện như sau: Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2016 đến tháng 5 năm 2018 Nguyễn Thị H làm dịch vụ cho vay đáo hạn Ngân hàng bằng hình thức vay tiền của nhiều người, sau đó cho người có nhu cầu đáo hạn Ngân hàng vay nhằm hưởng chênh lệch về lãi suất thì bị thua lỗ, thâm hụt vốn, mất khả năng chi trả nên không còn làm dịch vụ nữa. Từ đó, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của người khác bằng hình thức vay tiền của người sau để trả cho người trước. Nên mặc dù không còn làm dịch vụ đáo hạn Ngân hàng nữa, nhưng bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin không có thật là vay tiền của người khác để cho vay đáo hạn. Để tạo niềm tin với người cho vay tiền, Nguyễn Thị H thỏa thuận lãi suất cao, thưởng hoa hồng, tự mua hoa vào các ngày lễ ghi tên Ngân hàng tặng làm cho các bị hại tin tưởng bị cáo vẫn còn làm dịch vụ đáo hạn. Bằng thủ đoạn gian dối trên, trong

khoảng thời gian từ tháng 6 đến tháng 8 năm 2018, bị cáo đã chiếm đoạt tiền của 12 cá nhân với số tiền 9.205.000.000 đồng. Như vậy, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay phù hợp với lời khai của các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, Biên bản đối chất, Kết luận giám định về chữ ký, chữ viết và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi dùng thủ đoạn gian dối của bị cáo chiếm đoạt tài sản của 12 bị hại với số tiền 9.205.000.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung hình phạt là “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng trở lên” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thị H theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật, đúng tội.

[2.2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Bị cáo biết rõ bản thân không có khả năng chi trả số tiền còn nợ người khác, nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi gian dối như hứa hẹn với các bị hại là trả lãi suất cao, tự mua hoa vào các ngày lễ đề tên Ngân hàng tặng, tự thưởng hoa hồng, các chuyến du lịch, phần thưởng cho các bị hại nhằm tạo niềm tin và sự tin tưởng của các bị hại để bị cáo chiếm đoạt số tiền rất lớn là 9.205.000.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng quy định mức hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân. Bị cáo đã trực tiếp xâm phạm trái phép đến quyền sở hữu tài sản của các bị hại, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

[2.3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định, đánh giá và áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là đúng pháp luật. Đối với số tiền 5.000.000 đồng bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả trước khi xét xử sơ thẩm nhưng không được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại” theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, vì số tiền bồi thường so với số tiền chiếm đoạt không đáng kể. Ngoài ra, bị cáo còn bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Đối chiếu hành vi phạm tội với hậu quả thiệt hại do bị cáo gây ra thì mức hình phạt 17 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là thỏa đáng, không nặng. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Xét kháng cáo của các bị hại:

Như đã phân tích tại mục [2] nêu trên, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 17 năm tù là thỏa đáng và Hội đồng xét xử đã không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Do đó cũng không chấp

nhận kháng cáo của các bị hại tăng hình phạt đối với bị cáo. Đối với việc xem xét trách nhiệm đồng phạm của Nguyễn Kiều H1 và Nguyễn Viết Tr, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ 02 lần để điều tra hành vi của H1, Tr nhưng không chứng minh được hành vi vi phạm. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của các bị hại về nội dung này.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải trả lại số tiền chiếm đoạt cho các bị hại và liên đới cùng Nguyễn Kiều H1 phải trả lại số tiền cho các bị hại mà H1 cùng ký, cụ thể:

* Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải trả lại số tiền cho các bị hại:

Trả cho bị hại Nguyễn Thị Thu T3 196.500.000 đồng

Trả cho bị hại Nguyễn Lê Kim T4 200.000.000 đồng

Trả cho bị hại Ngô Thị T2 426.000.000 đồng

Trả cho bị hại Đỗ Thị U 1.398.000.000 đồng

Trả cho bị hại Đặng Thị N5 460.000.000 đồng

Trả cho bị hại Lê Thị B2 910.000.000 đồng

Tổng cộng: 3.590.500.000 đồng

* Buộc bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Kiều H1 liên đới trả lại số tiền cho các bị hại:

Trả cho bị hại Phạm Thị N1 500.000.000 đồng

Trả cho bị hại Phạm Thị Th1 290.000.000 đồng

Trả cho bị hại Lê Thị T1 170.000.000 đồng

Trả cho bị hại Vũ Đăng K1 2.751.000.000 đồng

Trả cho bị hại Nguyễn Thị H2 363.000.000 đồng

Trả cho bị hại Nguyễn Thị Xuân L1 420.000.000 đồng

Tổng cộng: 4.494.000.000 đồng

Đối với khoản tiền Nguyễn Thị H vay mượn các chị Nguyễn Lê Kim T4 350.000.000 đồng, Ngô Thị T2 1.350.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Xuân L1 4.060.000.000 đồng. Quá trình điều tra xác định việc vay tiền này giữa Nguyễn Thị H với các chị Nguyễn Lê Kim T4, Ngô Thị T2, Nguyễn Thị Xuân L1 là ngay thẳng, có viết giấy vay, có trả lãi đến 30/7/2018; H không dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền nêu trên. Vì vậy, đây là quan hệ dân sự nên Cơ quan điều tra không kết luận điều tra trong vụ án mà thông báo cho chị T4, chị T2 và chị L1 khởi kiện vụ án dân sự đến Tòa án có thẩm quyền là có căn cứ

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H và kháng cáo của các bị hại Nguyễn Thị H2, Lê Thị T1, Phạm Thị Th1, Vũ Đăng K1, Nguyễn Thị Xuân L1, Phạm Thị N1, Lê Thị B2, Ngô Thị T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Về tội danh, hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

3. Về phân trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Các điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự:

* Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải trả lại số tiền cho các bị hại:

Trả cho bị hại Nguyễn Thị Thu T3 196.500.000 đồng

Trả cho bị hại Nguyễn Lê Kim T4 200.000.000 đồng

Trả cho bị hại Ngô Thị T2 426.000.000 đồng

Trả cho bị hại Đỗ Thị U 1.398.000.000 đồng

Trả cho bị hại Đặng Thị N5 460.000.000 đồng

Trả cho bị hại Lê Thị B2 910.000.000 đồng

Tổng cộng: 3.590.500.000 đồng

* Buộc bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Kiều H1 liên đới trả lại số tiền cho các bị hại:

Trả cho bị hại Phạm Thị N1 500.000.000 đồng

Trả cho bị hại Phạm Thị Th1 290.000.000 đồng

Trả cho bị hại Lê Thị T1 170.000.000 đồng

Trả cho bị hại Vũ Đăng K1 2.751.000.000 đồng

Trả cho bị hại Nguyễn Thị H2 363.000.000 đồng

Trả cho bị hại Nguyễn Thị Xuân L1 420.000.000 đồng

Tổng cộng: 4.494.000.000 đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Về thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Cường

Mai Xuân Thành

Trần Quốc Cường